Kết quả học tập

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Thường xuyên					Giữa kỳ	Thực hành			
				LT Hệ số 1									
				1	2	3	4	5		1	2	3	4
HK1 (2018-2019)													
1	420300068516	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	9,00	6,00	8,50			5,00				
2	420300200904	Nhập môn Tin học	2	7,50	7,50	6,00			6,50				
3	420300306701	Tiếng Anh 1	3										
4	420300324252	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1	4										
5	4203003259161	Toán cao cấp 1	2	6,50	7,00				7,50	7,00			
6	420300330741	Giáo dục thể chất 1	2										
7	420300384807	Nhập môn Lập trình	2							7,00	2,00		
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 5,50		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 1,64											
Điểm trung bình tích lũy: 5,50		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 1,64											
Tổng số tín chỉ đã đăng ký:		Tổng số tín chỉ tích lũy: 11											
Tổng số tín chỉ đạt: 11		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 0											
Xếp loại học lực tích lũy: Trung bình yếu		Xếp loại học lực học kỳ: Trung bình yếu											
HK2 (2018-2019)													
8	420300319244	Kỹ năng làm việc nhóm	2	7,50	9,00	8,00	8,00		8,00				
9	420300328892	Toán cao cấp 2	2	7,00	8,00				7,50				
10	420300330684	Giáo dục thể chất 2	2										
11	420300334507	Vật lý đại cương	3	3,50	8,00				9,00	8,00	8,00		
12	420300335436	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2	4										
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 3,50		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 1,47											
Điểm trung bình tích lũy: 6,10		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2,14											
Tổng số tín chỉ đã đăng ký:		Tổng số tín chỉ tích lũy: 18											
Tổng số tín chỉ đạt: 7		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 7											
Xếp loại học lực tích lũy: Trung bình		Xếp loại học lực học kỳ: Trung bình yếu											
HK1 (2019-2020)													
13	420300105802	Mạng máy tính	3	8,00	8,00	7,50			5,50				
14	420300114601	Hệ cơ sở dữ liệu	4	6,00	8,00				7,50	8,00			
15	420300321707	Quản trị học	3	8,50	9,00				7,50				
16	420300334701	Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp	3	4,00	7,00	8,00			4,50				
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 6,50		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 2,25											
Điểm trung bình tích lũy: 6,60		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2,41											

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Thường xuyên					Giữa kỳ				
				LT Hệ số 1									
				1	2	3	4	5		1	2	3	4
Tổng số tín chỉ đã đăng ký:		Tổng số tín chỉ tích lũy: 31											
Tổng số tín chỉ đạt: 13		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 3											
Xếp loại học lực tích lũy: Trung bình		Xếp loại học lực học kỳ: Trung bình											
HK2 (2019-2020)													
17	420300066414	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,00	9,00				8,50				
18	420300120702	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	6,00					5,00	6,00			
19	420300214507	Hệ thống và công nghệ Web	3	8,00	7,00				9,50	7,00			
20	420300319520	Xã hội học	3	8,00	9,00	7,00			8,50				
21	420300319821	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	8,00	8,00				7,00				
22	420300375301	Phân tích thiết kế hệ thống	3	5,00	6,50				4,50	5,00			
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 7,00		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 2,78											
Điểm trung bình tích lũy: 6,70		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2,53											
Tổng số tín chỉ đã đăng ký: 54		Tổng số tín chỉ tích lũy: 47											
Tổng số tín chỉ đạt: 16		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 0											
Xếp loại học lực tích lũy: Khá		Xếp loại học lực học kỳ: Khá											
HK3 (2019-2020)													
23	420300242201	Pháp luật đại cương	2	10,00	10,00				6,00				
HK1 (2020-2021)													
24	420300090111	Cấu trúc rời rạc	3	7,00	8,50	9,50			9,50				
25	420300099910	Nguyên lý kế toán	3	5,50	4,50				6,50				
26	420300100408	Nhập môn an toàn thông tin	3	8,50	6,00	7,50			7,00				
27	420300107601	Tương tác người máy	3	8,00	8,50				9,00				
28	420300328102	Phát triển ứng dụng WEB	3	10,00	6,00				5,00	8,00	8,00		
29	420300343607	Thương mại điện tử	3	8,50	7,50	8,00			8,00	9,50			
30	420300409301	Bảo mật cơ sở dữ liệu	3	8,50	8,50				6,50	8,50	9,50		
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 7,30		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 3,01											
Điểm trung bình tích lũy: 6,90		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2,68											
Tổng số tín chỉ đã đăng ký: 74		Tổng số tín chỉ tích lũy: 70											
Tổng số tín chỉ đạt: 21		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 0											
Xếp loại học lực tích lũy: Khá		Xếp loại học lực học kỳ: Khá											
HK2 (2020-2021)													
31	420300094107	Kỹ thuật lập trình	3	8,00	10,00				7,00	9,00	9,00	9,00	
32	420300111901	Hệ thống thông tin quản lý	2	10,00	10,00				6,00				
33	420300127601	Hành vi tổ chức	3	9,00	7,50				7,50				
34	420300129501	Quản trị nguồn nhân lực	3	8,00	8,00				6,00				
35	420300136601	Automat & ngôn ngữ hình thức	3	8,00	7,50				7,50				

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Thường xuyên					Giữa kỳ	1	2	3	4
				LT Hệ số 1									
				1	2	3	4	5					
36	420300345103	Thống kê máy tính và ứng dụng	3	9,00	9,00				9,00	8,00			
37	420300350102	Phát triển ứng dụng	3	6,00	8,50	8,00			7,50	8,00			
38	420300366801	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3	8,50	9,00				7,50				
Điểm trung bình học kỳ hệ 10: 7,40		Điểm trung bình học kỳ hệ 4: 2,93											
Điểm trung bình tích lũy: 7,00		Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2,74											
Tổng số tín chỉ đã đăng ký: 93		Tổng số tín chỉ tích lũy: 93											
Tổng số tín chỉ đạt: 23		Tổng số tín chỉ nợ tính đến hiện tại: 0											
Xếp loại học lực tích lũy: Khá		Xếp loại học lực học kỳ: Khá											
HK3 (2020-2021)													
39	420300059704	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	10,00	9,00	7,00			7,50				
40	420300242103	Tiếng Anh 2	3										
HK1 (2021-2022)													
41	420300213701	Hệ thống máy tính	4	7,00	7,00	8,00			7,00	7,00	8,00		
42	420300314705	Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT	3	6,50	6,50	6,50			6,50	6,50	6,50	6,50	
43	420300344301	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	3	6,00	7,50				5,50	10,00	8,00	7,50	
44	420300345602	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	3	8,00	9,00	9,00			9,00				
45	420300389303	Quản trị bán hàng	3	8,00	8,50	8,50			8,50	8,00	8,50		